



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP -
CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán TP HCM**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex IDC)
Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, Số 1, đường Hùng Vương, Phường
Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Người công bố thông tin gồm:

- Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật.
- Ông Phạm Ngọc Thuận - Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP xin công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua bộ hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày **14 / 11 / 2024** tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục *Dành cho cổ đông - công bố thông tin*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024

Người công bố thông tin



PHẠM NGỌC THUẬN





Ký số bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 14/11/2024 08:12:02+07:00
Xác thực bởi: VNPT-CA SHA-256

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 41/NQ-HĐQT

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2024

NGHI QUYẾT
Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
để tăng vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP
(BECAMEX IDC.)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây viết tắt là “**Tông Công ty**” hoặc “**Becamex**”)
- Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2024 của Tổng Công ty số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) số 41/BB-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP theo Danh mục chi tiết kèm theo.

Điều 2: Giao Tổng Giám đốc của Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và triển khai chào bán trong thời gian sớm nhất.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban, đơn vị, cá nhân có liên quan của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu TK.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN HÙNG



BM-05-04-24110008

**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CỦA TỔNG
CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

(kèm theo Nghị quyết số: 41/NQ-HĐQT ngày 13/11/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP về việc thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ)

| STT | Tên tài liệu |
|-----|--|
| 1. | Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng |
| 2. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 3/6/2010, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 22/11/2023 (đính kèm giấy xác nhận về ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng Công ty) |
| 3. | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024 có nội dung thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn (đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024 và Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ. |
| 4. | Nghị quyết HĐQT số 40/NQ-HĐQT ngày 13/11/2024 về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ |
| 5. | Công văn về việc cam kết triển khai đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán |
| 6. | Công văn về việc cam kết liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng |
| 7. | Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng |
| 8. | Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP |
| 9. | Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP |
| 10. | Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP |
| 11. | Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP |
| 12. | Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP |
| 13. | Giấy ủy quyền của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn kiểm toán và tư vấn A&C cho những người ký các BCTC kiểm toán |
| 14. | Thư xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương xác nhận về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán |
| 15. | Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 06A/10/2024/HDVT/HD ngày 17 tháng 10 năm 2024 với Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI |
| 16. | Giấy ủy quyền của CTCP Chứng khoán SSI ủy quyền cho những người ký Bản cáo bạch và Hợp đồng tư vấn |
| 17. | Công văn số 5207/UBCK-PTTT ngày 19/08/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP |



| | |
|------------|---|
| | Các tài liệu liên quan đến việc sử dụng vốn |
| A | ĐẦU TƯ DỰ ÁN |
| I. | Khu công nghiệp Cây Trờng |
| 1. | Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp (“KCN”) Cây Trờng, tỉnh Bình Dương |
| 2. | Văn bản số 1563/TTg-KTN ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cây Trờng, tỉnh Bình Dương |
| 3. | Quyết định số 305/QĐ-BQL ngày 20/8/2024 của Ban Quản lý các KCN Bình Dương - UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Cây Trờng |
| 4. | Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu công nghiệp Cây Trờng |
| 5. | Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Cây Trờng |
| 6. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 7. | Quyết định số 517/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“TNMT”) về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 8. | Văn bản số 2912/UBND-KTN ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận ranh giới quy hoạch Khu công nghiệp Cây Trờng |
| 9. | Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Cây Trờng |
| II. | Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng |
| 1. | Văn bản số 1767/TTg-KTN ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Bàu Bàng mở rộng, tỉnh Bình Dương. |
| 2. | Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng |
| 3. | Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng |
| 4. | Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng |
| 5. | Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập KCN Bàu Bàng mở rộng |
| 6. | Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cho phép Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án KCN Bàu Bàng |



| | |
|------------|---|
| | mở rộng |
| 7. | Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 26/09/2018 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án KCN Bàu Bàng mở rộng (đợt 1) |
| 8. | Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 1) tại xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng |
| 9. | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 1) tại xã Lai Uyên (nay là Thị trấn Lai Uyên), huyện Bàu Bàng |
| 10. | Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 1) |
| 11. | Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 2) |
| 12. | Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (bổ sung đợt 1, đợt 2) |
| 13. | Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (bổ sung đợt 1, đợt 2 lần 2) |
| 14. | Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 07/05/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (bổ sung đợt 1, đợt 2 lần 3) |
| 15. | Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 07/05/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 3) |
| 16. | Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 05/06/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 4) |
| 17. | Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 19/07/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (đợt 5) |
| 18. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 19. | Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 20. | Giấy phép môi trường số 189/GPMT-BTNMT ngày 30/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| B | GÓP TẶNG VỐN CÁC CÔNG TY HIỆN HỮU |
| I. | Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore (VSIP) |
| <i>(i)</i> | <i>Tài liệu chung</i> |



| | |
|--------------|---|
| 1. | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VSIP |
| 2. | Nghị quyết hội đồng thành viên VSIP thông qua việc tăng vốn điều lệ |
| (ii) | <i>Đầu tư dự án Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III</i> |
| 1. | Văn bản số 2139/TTg-KTN ngày 28/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Việt Nam - Singapore III |
| 2. | Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 10/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III |
| 3. | Quyết định số 184/QĐ-BQL ngày 20/5/2024 của Ban Quản lý các KCN Bình Dương - UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 2) |
| 4. | Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 1) |
| 5. | Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đính chính nội dung quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 |
| 6. | Quyết định số 1892/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ngày 21/7/2023 về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 2) |
| 7. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 8. | Quyết định cho thuê đất số 2560/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Bình Dương để thực hiện dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 2a) |
| 9. | Quyết định cho thuê đất số 2730/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bình Dương để thực hiện dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III (giai đoạn 1) |
| 10. | Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 24/2/2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III |
| 11. | Quyết định số 6244/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã Tân Uyên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III |
| 12. | Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 UBND thị xã Tân Uyên về việc điều chỉnh quyết định số 6244/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 |
| 13. | Quyết định số 4660/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 về việc đính chính quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 |
| 14. | Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 944/TD-PCCC ngày 21/4/2023 |
| 15. | Quyết định số 267/QĐ-BTNMT ngày 08/2/2022 của Bộ TNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| (iii) | <i>Góp tăng vốn tại Công ty TNHH VSIP Nghệ An</i> |
| 1. | Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 8/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thọ Lộc (giai đoạn 1) |
| 2. | Quyết định số 59/QĐ-KKT ngày 05/2/2024 của Ban Quản lý KKT Đông Nam-UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thọ Lộc (giai đoạn 1) |



| | |
|-------------|---|
| 3. | Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu A – Khu công nghiệp Thọ Lộc |
| 4. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 5. | Quyết định cho thuê đất số 296/QĐ-KKT ngày 14/9/2023 của Ban quản lý KKT Đông Nam – UBND tỉnh Nghệ An để thực hiện đầu tư xây dựng Khu công nghiệp giai đoạn 1A – đợt 1 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thọ Lộc (giai đoạn 1) |
| 6. | Thông báo số 207/TB-UBND ngày 26/9/2023 của UBND huyện Diễn Châu về việc thu hồi đất (địa phận xã Diễn Lộc) |
| 7. | Thông báo số 208/TB-UBND ngày 26/9/2023 của UBND huyện Diễn Châu về việc thu hồi đất (địa phận xã Diễn Thọ) |
| 8. | Thông báo số 209/TB-UBND ngày 26/9/2023 của UBND huyện Diễn Châu về việc thu hồi đất (địa phận xã Diễn Phú) |
| 9. | Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 2635/TD-PCCC ngày 29/8/2024 |
| 10. | Quyết định 3116/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 11. | Quyết định của chủ sở hữu về việc tăng vốn tại Công ty TNHH VSIP Nghệ An |
| 12. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH VSIP Nghệ An |
| (iv) | <i>Góp tăng vốn tại Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi</i> |
| 1. | Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 22/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1) |
| 2. | Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của UBND huyện Bình Sơn về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1) |
| 3. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 4. | Quyết định của chủ sở hữu về việc tăng vốn tại Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi |
| 5. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi |
| II | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex-Bình Phước |
| 1. | Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex-Bình Phước thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ |
| 2. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex-Bình Phước |
| 3. | Công văn số 1019/TTg-KTN ngày 03/07/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Bổ sung KCN Becamex - Bình Phước, tỉnh Bình Phước vào quy hoạch phát triển các KCN cả nước |
| 4. | Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 23/04/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chung Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 5. | Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ |



| | |
|-----|--|
| | án quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 |
| 6. | Chủ trương số 1841/TTg-KTN ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án đầu tư Khu công nghiệp Becamex- Bình Phước, tỉnh Bình Phước |
| 7. | Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước |
| 8. | Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/07/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ |
| 9. | Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 04/09/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư - Dân cư Ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 10. | Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 11. | Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 12. | Quyết định số 4598/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt điều chỉnh điểm b, điều 1, quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 |
| 13. | Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 14. | Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 15. | Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 16. | Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Ấp 1, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 17. | Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 18. | Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt điều chỉnh cụm lô AM40 tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 |
| 19. | Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 20. | Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 18/05/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Ấp 2, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 21. | Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 18/05/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng khu tái định cư – Dân cư Ấp 4 mở rộng, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành |
| 22. | Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt điều |



| | |
|-----|---|
| | chính quy hoạch tổng mặt bằng khu dân cư thuộc dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex- Bình Phước |
| 23. | Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 24. | Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 18/05/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nha Bích, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 25. | Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ |
| 26. | Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 10/06/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Hiếu Cảm 1, xã Minh Thành và thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 27. | Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/06/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 28. | Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về điều chỉnh cục bộ |
| 29. | Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 04/06/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 |
| 30. | Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 16/09/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ |
| 31. | Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Ấp 1, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước) |
| 32. | Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 30/08/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Ấp 2, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành (thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước) |
| 33. | Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuộc quy hoạch chung Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước) |
| 34. | Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết TL1/2000 khu Dân cư Hòa Vinh 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuộc quy hoạch chung Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước) |
| 35. | Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Đồng Tâm, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước |
| 36. | Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 23/09/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước |
| 37. | Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về |



| | |
|-----|--|
| | việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu Dân cư Mỹ Hưng, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước |
| 38. | Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 03/11/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 khu Dân cư Hiếu Cầm 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuộc Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước) |
| 39. | Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Hiếu Cầm 1, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuộc quy hoạch chung Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước) |
| 40. | Quyết định 1560/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất và giao đất để hỗ trợ thực hiện dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex-Bình Phước |
| 41. | Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 5/9/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất và giao đất để hỗ trợ thực hiện dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex-Bình Phước |
| 42. | Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 23/7/2014, Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 và Công văn số 3796/UBND-KTN ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước |
| 43. | Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất và giao đất để đầu tư xây dựng mở cổng phụ cho dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex-Bình Phước (giai đoạn 1) |
| 44. | Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi và giao đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước. |
| 45. | Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao đất và cho thuê đất để đầu tư xây dựng Khu tái định cư - dân cư ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành |
| 46. | Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 8/3/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 |
| 47. | Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 và Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh |
| 48. | Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh |
| 49. | Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2016, Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 08/03/2019, Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 16/04/2020 và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh |
| 50. | Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/05/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng Khu dân cư ấp 1, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 51. | Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Điều chỉnh Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/05/2019 của UBND tỉnh |
| 52. | Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/05/2019 |



| | |
|------------|--|
| 53. | Quyết định 1853/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 |
| 54. | Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 20/05/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng Khu dân cư ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| 55. | Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 20/05/2019 của UBND tỉnh và hủy Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh |
| 56. | Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước (khu A) |
| 57. | Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh |
| 58. | Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 07/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất, giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu B) |
| 59. | Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 16/07/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh |
| 60. | Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh |
| 61. | Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 16/04/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao đất để xây dựng Khu dân cư ấp 4B mở rộng, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành |
| 62. | Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 16/04/2020 của UBND tỉnh |
| 63. | Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu A - lần 2) |
| 64. | Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu A - lần 3) |
| 65. | Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu A - lần 4) |
| 66. | Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 27/09/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Becamex Bình Phước (khu A - lần 5) |
| 67. | Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex Bình Phước (khu A) |
| 68. | Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh giảm diện tích đất thuê tại Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh |
| 69. | Quyết định số 3380/QĐ-BTNMT ngày 16/11/2023 của Bộ Tài nguyên & Môi trường về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước |
| 70. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| III | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex – VSIP (BVP) |



| | |
|-----------|--|
| 1. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex – VSIP |
| 2. | Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex – VSIP thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ |
| 3. | Công văn số 4285/UBND-KT ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư hạ tầng lưới điện đến 110kV trong khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng và VSIP 3 |
| 4. | Công văn số 811/UBND-KT ngày 15/3/2023 của UBND thành phố Cần Thơ về việc đầu tư xây dựng lưới điện, trạm điện 110kV, lưới điện phân phối và kinh doanh điện trong Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh |
| IV | Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore (VSSSES) |
| 1. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore |
| 2. | Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ |
| 3. | Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng DBS Bank Ltd. số DBS/004/2022 ngày 14/7/2022 bản dịch thuật công chứng (kèm bản điều khoản và điều kiện chuẩn) |
| 4. | Thông báo xác nhận của Ngân hàng DBS Bank Ltd về dư nợ tín dụng của VSSSES |
| 5. | Hợp đồng tín dụng số 018/2024/14276840/HĐTD ngày 24/4/2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 6. | Văn bản số 822/BIDV.NBD-KHDN FDI ngày 29/10/2024 về việc thông báo nợ đến hạn năm 2025-2029 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Nam Bình Dương |
| V | Công ty Cổ phần Becamex Bình Định |
| 1. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định |
| 2. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 3. | Nghị Quyết ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ |
| 4. | Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Becamex Bình Định |
| 5. | Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội |
| 6. | Quyết định số 328 /QĐ-BQL ngày 23/9/2020 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Khu kinh tế Nhơn Hội thuộc xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (đợt 1) |
| 7. | Quyết định số 81/QĐ-BQL ngày 14/03/2022 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 328/QĐ-BQL ngày 23/9/2020 |
| 8. | Quyết định số 351/QĐ-BQL ngày 12/10/2021 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp |



| | |
|------------|--|
| | Becamex Bình Định tại Khu kinh tế Nhơn Hội thuộc xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (đợt 2) |
| 9. | Quyết định số 55/QĐ-BQL ngày 15/02/2022 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 3) |
| 10. | Quyết định số 280 /QĐ-BQL ngày 05/09/2022 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 4) |
| 11. | Quyết định số 228/QĐ-BQL ngày 28/07/2023 của Ban quản lý khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Định về việc cho thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 5) |
| 12. | Giấy chứng nhận số 236/TD-PCCC ngày 27/01/2021 về thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy |
| 13. | Quyết định số 1455/QĐ-BTNMT ngày 11/06/2019 của Bộ tài nguyên và môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| C | TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH |
| I | Hồ sơ liên quan đến trả gốc trái phiếu mã BCMH2025002 phát hành năm 2020 của Tổng Công ty |
| 1. | Nghị quyết HĐQT số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 25/05/2020 thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2020 của Tổng Công ty Becamex IDC (đính kèm phương án phát hành) |
| 2. | Quyết định số 370/2020/QĐ-BCM ngày 17/08/2020 về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu Becamex IDC – Đợt 2 năm 2020 |
| 3. | Quyết định số 374/2020/QĐ-IDC ngày 21/08/2020 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn trái phiếu Becamex IDC -Đợt 2 năm 2020 |
| 4. | Công bố thông tin số 787/2020/CV/IDC-QLTC ngày 19/11/2020 gửi HNX về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ |
| 5. | Công bố thông tin số 788/2020/CV/IDC-QLTC ngày 19/11/2020 về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ |
| 6. | Bản Công bố thông tin (OC) |
| 7. | Bản công bố thông tin định kỳ tình hình thanh toán gốc lãi số 828/2024/CV/IDC-QLTC ngày 2/8/2024 |
| 8. | Bản Công bố thông tin định kỳ về tình hình sử dụng vốn từ trái phiếu số 913/2024/CV/IDC-QLTC ngày 29/8/2024 (đính kèm theo báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu) |
| II | Hồ sơ liên quan đến trả gốc và lãi các khoản nợ vay tại các Ngân hàng |
| (i) | Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu |
| 1. | Hợp đồng cấp tín dụng số NVT.DN.966.140518/1 ngày 15/06/2018 |
| 2. | Hợp đồng cấp tín dụng số NVT.DN.966.140518/2 ngày 15/06/2018 |



| | |
|--------------|--|
| 3. | Văn bản xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu về dư nợ các hợp đồng cấp tín dụng của Tổng Công ty |
| (ii) | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 1. | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/83576/HĐTD ngày 24/11/2023 |
| 2. | Thông báo xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Dương về dư nợ đến hạn của Tổng Công ty |
| (iii) | Ngân hàng China Construction Bank Corporate – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| 1. | Hợp đồng tín dụng số SYND-CCB-FACONT/2020-001 ngày 22/01/2021 |
| 2. | Bảng tính gốc lãi dự thu tài khoản tiền vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng China Construction Bank Corporate – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| (iv) | Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam |
| 1. | Hợp đồng tín dụng số 0000588.23 ngày 13/12/2023 |
| 2. | Hợp đồng tín dụng số 6595010.24 ngày 18/01/2024 |
| 3. | Bảng kê của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam về gốc lãi phải thu tại Tổng Công ty |
| (v) | Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam |
| 1. | Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.300076619/2023-HĐCVHM/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 27/11/2023 |
| 2. | Hợp đồng cho vay hạn mức số 02.300076619/2024-HĐCVHM/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 20/03/2024 |
| 3. | Hợp đồng cho vay từng lần số 01.300076619/2024-HĐCVTL/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 20/03/2024 |
| 4. | Văn bản xác nhận lịch trả nợ đến hạn năm 2025 của Tổng Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam |

